

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ NEM KẾT QUẢ BÀI THI HỌC PHẦN
KHOA V - THI LẦN I - HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2016 -2017

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Môn học	Điểm thi lần 1	Điểm phục khảo		Ghi chú
						Bảng số	Bảng chữ	
1	5053402035	Nguyễn Linh Giang	TCC5A	Tham định dự án đầu tư	0,5	0,5	Không phải năm	Không đổi
2	5053101080	Lê Hoàng Khánh	KIIP75B		3,5	3,5	Ba phải năm	Không đổi
3	5053101056	Nguyễn Lê Thảo Anh	KIIP75B		6,5	6,5	Sáu phải năm	Không đổi
1	5053101206	Hà Thị Thu Giang	QIIP75	Giáo dục trong quy hoạch	5,8	8,8	Tám phải năm	Chấm sát phần 2 của bài thi lý thuyết
1	5053105043	Nguyễn Thu Vân	CSC3	Chính sách xã hội	8,3	8,3	Tám phải ba	Không đổi
1	5053101334	Dương Thị Thoa	QLD75	Tài chính doanh nghiệp	7	7,0	Bảy phải năm	Không đổi
1	5053101084	Nguyễn Thị Ái Linh	KIIP75B	Những vấn đề cơ bản về đầu tư	5,5	6,0	Sáu phải năm	Cộng thiếu ý
2	5053402078	Nguyễn Thùy Linh	TCC5B		5	5,0	Năm phải năm	Không đổi
3	5053106072	Đỗ Thị Ngọc	KTDN5		5,5	5,5	Năm phải năm	Không đổi
4	5053402052	Phạm Anh Sơn	TCC5A		5	5,0	Năm phải năm	Không đổi
5	5053402101	Vũ Hiền Trang	TCC5B		6,5	6,5	Sáu phải năm	Không đổi
6	5053105043	Nguyễn Thu Vân	CSC3	Nguyên lý đầu tư (CLC)	8	8,0	Tám phải năm	Không đổi
7	5053101103	Phạm Thị Thanh Vân	KIIP75B		7,5	7,5	Bảy phải năm	Không đổi
1	5053106018	Trần Công Đức Kiên	KTDNCLC5		3,5	3,5	Ba phải năm	Không đổi
2	5053106022	Trần Thùy Linh	KTDNCLC5		7	7,0	Bảy phải năm	Không đổi
3	5053106028	Đỗ Minh Ngọc	KTDNCLC5		7,5	7,5	Bảy phải năm	Không đổi
4	5053106031	Vũ Hoàng Oanh	KTDNCLC5	Lập hồ sơ môi trường	5,5	5,5	Năm phải năm	Không đổi
5	5053106008	Nguyễn Việt Dũng	KTDNCLC5		4	4,0	Bốn phải năm	Không đổi
6	5053106012	Nguyễn Thị Thu Hiền	KTDNCLC5		6	6,0	Sáu phải năm	Không đổi
1	5053101319	Nguyễn Thị Diệu Linh	QLD75		3,5	3,5	Ba phải năm	Không đổi
2	5053101331	Nguyễn Văn Thành	QLD75		6,5	6,5	Sáu phải năm	Không đổi
1	5053101072	Đinh Thị Hoài	KIIP75B	Kinh tế vĩ mô II	3,5	3,5	Ba phải năm	Không đổi
2	5053402083	Nguyễn Thị Như	TCC5B		7,4	7,4	Bảy phải năm	Không đổi
3	5043101291	Hoàng Hải Sơn	KIIP74B		3,3	3,3	Ba phải ba	Không đổi
4	5053402034	Nguyễn Công Anh Dũng	TCC5A		2,5	2,5	Hai phải năm	Không đổi
5	5053101206	Hà Thị Thu Giang	QIIP75		7,9	7,9	Bảy phải năm	Không đổi
1	5053106038	Mai Anh Tuấn	KTDNCLC5	Kinh tế vĩ mô II (chỉ lượng euro)	1	1,0	Một phải năm	Không đổi
2	5053106008	Nguyễn Việt Dũng	KTDNCLC5		5,5	5,5	Năm phải năm	Không đổi
3	5053106017	Lê Thu Huyền	KTDNCLC5		5	5,0	Năm phải năm	Không đổi
4	5053106022	Trần Thùy Linh	KTDNCLC5		5,5	5,5	Năm phải năm	Không đổi

Phu

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Môn học	Điểm thi lần 1	Điểm phúc khảo		Ghi chú
						Bảng số	Bảng chữ	
1	5053402035	Nguyễn Linh Giang	TCC5A	Nghề nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu	3.3	3.3	Ba phẩy ba	Không đổi
2	5053401010	Phạm Thị Hạnh	QTDN5		6.8	7.0	Bảy chẵn	Cộng sót ý
3	5053402037	Hà Thị Dương Hiền	TCC5A		4.3	4.6	Bốn phẩy sáu	Cộng sót ý
4	5053401017	Nguyễn Thị Hương	QTDN5		4	4.0	Bốn chẵn	Không đổi
1	5053402044	Trần Diệu Linh	TCC5A	Quản lý tài chính công	8	8.0	Tám chẵn	Không đổi
2	5053402104	Lê Hồng Vân	TCC5B		7	7.0	Bảy chẵn	Không đổi
3	5053402106	Nguyễn Thị Thanh Xuân	TCC5B		7	7.0	Bảy chẵn	Không đổi
1	5053402009	Nguyễn Hồng Hạnh	TCCCLC5	Quản lý tài chính công (chất lượng cao)	6	6.0	Sáu chẵn	Không đổi
2	5053402017	Lưu Quỳnh Ngân	TCCCLC5		5	5.0	Năm chẵn	Không đổi
3	5053106009	Nguyễn Thị Trà Giang	TCCCLC5		5	5.0	Năm chẵn	Không đổi
1	5053401017	Nguyễn Thị Hương	QTDN5	Nguyên lý thống kê	3	3.0	Ba chẵn	Không đổi
2	5053101020	Nguyễn Thu Hường	KHPT5A		2.5	2.5	Hai phẩy năm	Không đổi
3	5053101077	Trịnh Thị Huyền	KHPT5B		5.5	5.5	Năm phẩy năm	Không đổi
4	5053402041	Vũ Thị Ánh Huyền	TCC5A		3.5	3.5	Ba phẩy năm	Không đổi
5	5053101318	Nguyễn Thị Liên	QLĐT5		3	3.0	Ba chẵn	Không đổi
6	5053101026	Trần Mỹ Linh	KHPT5A		1.5	1.5	Một phẩy năm	Không đổi
7	5053401032	Nguyễn Hồng Nhung	QTDN5		7.5	7.5	Bảy phẩy năm	Không đổi
8	5053101329	Nguyễn Bồ Sa	QLĐT5		6	6.0	Sáu chẵn	Không đổi
9	5053402062	Đỗ Anh Tú	TCC5A		0	0.0	Không	Không đổi
10	5043101295	Vũ Anh Thiệp	KHPT4B		0	0.0	Không	Không đổi
11	5053401056	Nguyễn Thị Trang	QTDN5		5	5.0	Năm chẵn	Không đổi
12	5053402029	Nguyễn Thị Vân Anh	TCC5A		2.5	2.5	Hai phẩy năm	Không đổi
13	5053402033	Phạm Thị Thùy Dung	TCC5A		3	3.0	Ba chẵn	Không đổi
1	5053106012	Nguyễn Thị Thu Hiền	KTDNCLC5	Thanh toán quốc tế (chất lượng cao)	5.5	5.5	Năm phẩy năm	Không đổi
2	5053106023	Bùi Trúc Linh	KTDNCLC5		6.8	6.8	Sáu phẩy tám	Không đổi
1	5053106072	Đỗ Thị Nga	KTĐN5	Pháp luật kinh tế quốc tế	7.9	7.9	Bảy phẩy chín	Không đổi
2	5053106041	Nguyễn Thị Thúy Anh	KTĐN5		8	8.0	Tám chẵn	Không đổi
1	5053402017	Lưu Quỳnh Ngân	TCCCLC5	Quản trị ngân hàng thương mại (chất lượng cao)	5	5.0	Năm chẵn	Không đổi
2	5053402018	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TCCCLC5		5	5.0	Năm chẵn	Không đổi
3	5053402011	Đinh Thị Thu Hiền	TCCCLC5		5.5	5.5	Năm phẩy năm	Không đổi
1	5043101263	Trần Thị Ngân Hà	KHPT4B	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô (C3)	6	6.0	Sáu chẵn	Không đổi
1	5053106020	Lương Thuý Linh	KTDNCLC5	Kế toán quản trị (chất lượng cao)	1	1.0	Một chẵn	Không đổi

Am

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Môn học	Điểm thi lần 1	Điểm phúc khảo		Ghi chú
						Bằng số	Bằng chữ	
1	5053402052	Phạm Anh Sơn	TCC5A	Kinh tế đầu tư	4.3	4.5	Bốn phẩy năm	Cộng sót ý
2	5043106128	Trần Ngọc Tiến	KTDN4B		1.5	1.5	Một phẩy năm	Không đổi
1	5053402038	Vũ Thị Mai Hoa	TCC5A	Thị trường chứng khoán	6	6.0	Sáu chẵn	Không đổi
2	5053402058	Phạm Thị Thu Trang	TCC5A		7.5	7.5	Bảy phẩy năm	Không đổi
3	5053402106	Nguyễn Thị Thanh Xuân	TCC5B		7.5	7.5	Bảy phẩy năm	Không đổi
1	5053101226	Phạm Mai Phương	QHPT5	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô (G1)	6	6.8	Sáu phẩy tám	Cộng sót ý
1	5053401008	Trần Nguyệt Hà	QTDN5	Quản trị chiến lược	6.3	6.3	Sáu phẩy ba	Không đổi
2	5053101010	Vũ Thúy Hà	KHPT5A		4.8	4.8	Bốn phẩy tám	Không đổi
3	5053401017	Nguyễn Thị Hương	QTDN5		6.5	6.5	Sáu phẩy năm	Không đổi
4	5053101074	Nguyễn Thị Mai Hương	KHPT5B		5.5	5.5	Năm phẩy năm	Không đổi
5	5053101077	Trịnh Thị Huyền	KHPT5B		7	7.0	Bảy chẵn	Không đổi
6	5053401054	Nguyễn Thị Trang	QTDN5		6	6.0	Sáu chẵn	Không đổi

Người kiểm tra: Phạm Thị Thu Lan

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2017

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM


Lê Minh Vân